

PHÂN CHIA CÁC TỪ TRONG TRƯỜNG “TRANG PHỤC” THEO QUAN HỆ CẤP LOẠI THE DISTINCTION OF COSTUME RELATED WORDS BASING ON THE RELATION OF GRADE

LÊ THỊ HÀ

(ThS; Đại học Tây Bắc)

Abstract: "Costume" always exists in the life of human being which is on terms of intimacy with the development of the society. Compound words in the "costume" word family as wholeness often overlap in meanings and functions. The classificatoion relation of the compound words of costume as wholeness according to the functions can be divided into two grades, the first grade is only one word "costume", the rest words such as "regimentals, military uniform, combat suits, police uniform, ceremony dress, liveries, "mourning clothes, court dress, mandarins costume, everyday clothes, western clothes, national clothes" all belongs to the second grade in which all the words are equally ranked and one grade under in comparison with "costume".

Keywords: costume; classification; grade; compound words; exist; human being; wholeness.

1. Đặt vấn đề

Chức năng làm công cụ giao tiếp bằng ngôn ngữ đòi hỏi ngôn ngữ phải có những tên gọi cho các sự vật, hiện tượng của thực tế khách quan. Xã hội càng phát triển thì càng có những hiểu biết, những sự vật, hiện tượng mới xuất hiện. Rất nhiều những hiểu biết, sự vật, hiện tượng mới này phải được xã hội kí ức hóa, đặt cho ngôn ngữ nhiệm vụ phải tạo ra những tên gọi mới để kí ức hóa chúng. "Trang phục" là một vấn đề luôn luôn tồn tại và gắn kết với sự phát triển xã hội đó. Ở bài viết nhỏ này, chúng tôi hi vọng được bức tranh về sự phân chia các từ trong trường "trang phục" như một chỉnh thể (toàn bộ) trong tiếng Việt và ít nhiều xác định được chức năng, ý nghĩa của chúng.

2. Quan hệ cấp loại phân loại - loại trong các từ ghép chỉ trang phục như một chỉnh thể

2.1. "Quan hệ cấp loại (hyponymie) là quan hệ kéo theo một chiều". Như vậy, quan hệ cấp loại là quan hệ trên cấp và dưới cấp. Theo thang cấp bậc phân loại, những từ ở bậc trên được gọi là từ trên cấp. Các từ ở bậc dưới được gọi là từ dưới cấp và "trang phục" không nằm ngoài quan hệ cấp loại.

"Trang phục" như một chỉnh thể, thường được hiểu là tất cả những thứ mang trên người, từ những thứ mang trên đầu, mang trên mình, mặc ở chân và ở tay. Cách hiểu như này có lẽ chưa thật chặt chẽ, bởi vì có những thứ mang sát người, bên trong những thứ khác không thể kể là "trang phục". Vì vậy, chúng tôi hạn chế khái niệm "trang phục" là những thứ mang trên người, ở bên ngoài hiện ra trước mắt người khác (có nghĩa là trừ những thứ lót trong).

2.2. Không kể từ *quần áo*, các từ ghép chỉ trang phục hầu hết là các từ được cấu tạo

theo mô hình phụ chính: B + A, trong đó, A và B đều là yếu tố Hán - Việt. Đó là các từ: *trang phục*, *y phục*, *thường phục*, *cảnh phục*, *đồng phục*, *lễ phục*, *quân phục*, *sắc phục*, *quốc phục*, *triều phục*, *phẩm phục*, *chế phục*, *âu phục*, *tang phục*.

"Từ điển tiếng Việt" (TĐTV), do Hoàng Phê chủ biên (2005) và "Việt Nam từ điển" (VNTĐ), do Hội khai trí tiến đức biên soạn (1931) đã giải thích các từ này như sau:

Trang phục

TĐTV: Quần áo dùng riêng cho một ngành, một nghề nào đó.

VNTĐ: Nói chung về quần áo.

Y phục

TĐTV: Quần áo, đồ mặc (nói khái quát).

VNTĐ: Nói chung cả quần áo.

Thường phục

TĐTV: Quần áo của mọi người mặc thường ngày, không phải "lễ phục", "quân phục".

VNTĐ: Đồ mặc thường.

Tang phục

TĐTV: Quần áo tang.

VNTĐ: Đồ mặc để tang.

Triều phục

TĐTV: Lễ phục các quan khi mặc vào chầu vua.

VNTĐ: Áo đại triều.

Sắc phục

TĐTV: 1. Quần áo màu, nói chung; 2. Quần áo màu sắc khác nhau để phân biệt phẩm trật quan lại.

VNTĐ: Màu áo phân biệt tước phẩm các quan.

Lễ phục

TĐTV: Quần áo mặc trong các buổi lễ lớn.

VNTĐ: Áo mặc lúc dự lễ.

Âu phục

TĐTV: Quần áo may theo kiểu châu Âu.

VNTĐ: Ăn mặc đồ tây.

Phẩm phục

TĐTV: Lễ phục theo cấp bậc của quan lại.

VNTĐ: Áo mặc theo chức phẩm của các quan.

Đồng phục

TĐTV: Quần áo cùng kiểu, cùng màu quy định cho mọi thành viên trong một tổ chức.

Quốc phục

TĐTV: Quần áo theo kiểu riêng từ xưa truyền lại của dân tộc một nước thường mặc trong các ngày lễ lớn.

Quân phục

TĐTV: Quần áo đồng phục của quân nhân.

Binh phục

TĐTV: Quân phục.

Cảnh phục

TĐTV: Quần áo đồng phục cho cảnh sát.

Chế phục

VNTĐ: 1. Áo tang. 2. Áo dấu, áo hiệu của một hạng người hay một đoàn thể.

**Nhận xét:*

Qua cách thu thập và giải thích nghĩa các từ này trong hai cuốn từ điển, có thể nhận thấy:

Thứ nhất, việc thu thập mục từ giữa hai cuốn từ điển có khác nhau. Có từ được đưa vào TĐTV mà chưa có trong VNTĐ, đó là các từ: "*đồng phục*", "*quân phục*", "*quân phục*", "*quốc phục*", "*bình phục*", "*cảnh phục*". Ngược lại, từ "*chế phục*" không có trong TĐTV. Lời giải thích của hai cuốn từ điển có điểm giống nhau, nhưng cũng có điểm khác nhau. Ở một khía cạnh nào đó, có thể phản ánh sự biến động trong trường "*trang phục*" tiếng Việt.

Thứ hai, trong tiếng Việt, "*trang phục*", "*y phục*", "*quần áo*" có thể xem là từ thuộc cấp chỉ toàn bộ. Nghĩa của những từ này có những điểm khác nhau:

"*Y phục*" chỉ toàn bộ đồ mặc trên người, gồm: "*quần*" và "*áo*". Còn những thứ được mang trên người cùng với "*quần*" và "*áo*"

không phải là nét nghĩa quan yếu của từ này. "*Quần áo*" cũng không có nét nghĩa chỉ những thứ kèm theo, như từ "*y phục*". Tuy nhiên, "*quần áo*" lại có một nét nghĩa khái quát hơn "*y phục*" bao gồm cả những thứ mặc lót trong. Do đó, từ "*y phục*" có sắc thái trang trọng, trong khi "*quần áo*" thì có ý nghĩa "*dân dã*" hơn. Bởi vậy, chúng tôi cho rằng, so với "*y phục*" và "*quần áo*" thì "*trang phục*" là từ điển hình nhất. Tuy vậy, nghĩa của từ "*trang phục*" trong cách dùng hiện nay cũng có nét nghĩa hạn chế tính điển hình của nó.

Lời giải thích của VNTĐ xem "*trang phục*" tương đương với nghĩa của từ "*quần áo*". Nhưng trong cách dùng hiện nay "*trang phục*" lại là "*quần áo*" riêng cho một ngành nghề như TĐTV đã giải thích. Tuy vậy, lời giải thích của TĐTV cũng chưa thực sự đầy đủ, chưa thực sự đúng với nghĩa của "*trang phục*". Hiện nay "*trang phục*" vừa chỉ "*quần áo*" vừa chỉ những thứ phụ tùng mang trên người kèm với "*quần*" và "*áo*". Chẳng hạn, "*trang phục của cảnh sát*", ngoài "*quần*" và "*áo*" có kiểu dáng riêng, màu sắc riêng, phải tính đến cả "*mũ*", "*giày*", "*thắt lưng*", v.v. Từ "*trang phục*" với cách hiểu như vậy là từ trên cấp bậc một cho các từ thuộc trường "*trang phục*" xét về mặt chức năng.

Từ "*y phục*" và "*quần áo*" tuy cũng có trường hợp được dùng như "*trang phục*" nhưng thường chỉ được dùng riêng cho "*quần*" và "*áo*", bộ phận quyết định của "*trang phục*". Hiểu như vậy, thì "*y phục*" (*quần áo*) không nằm trong quan hệ phân loại - loại với "*trang phục*" mà nằm trong quan hệ chỉnh thể - bộ phận với nó.

"*Đồng phục*" là một từ có nét nghĩa quy định cho mọi thành viên trong một tổ chức. Tuy nhiên, theo cách dùng hiện nay không phải "*quần áo*" cùng kiểu, cùng màu của bất cứ một tổ chức nào cũng được gọi là "*đồng phục*". Không ai gọi "*quần áo*" các nhà sư,

của các chức sắc trong thiên chúa giáo, trong đạo cao đài và của cả quân đội, cảnh sát, v.v... là "*đồng phục*". "*Đồng phục*" được giới hạn như: "*đồng phục của học sinh*", "*đồng phục của tiếp viên hàng không*", "*đồng phục của nhân viên khách sạn*", "*đồng phục của ngân hàng*, v.v. Như thế, "*đồng phục*" là "*trang phục*" được định ra ít nhiều tự do không theo quy định có tính chất pháp quy của một cơ quan quyền lực nhà nước. Nói một cách khái quát, không thể xem "*đồng phục*" là từ trên cấp so với "*quân phục*", "*bình phục*", "*cảnh phục*"...

Thứ ba, lời giải thích nghĩa "*sắc phục*" trong TĐTV nhắc lại một nét nghĩa trong lời giải nghĩa của VNTĐ, đó là nét nghĩa quần áo màu và nét nghĩa để phân biệt phẩm trật quan lại. Hiện nay, trong thực tế từ "*sắc phục*" được dùng với hai nghĩa: 1/"*quần áo*" của từng dân tộc ít người theo cách dùng trước đây ở miền Nam; 2/"*quần áo*" của các tổ chức đảm nhận công việc trị an, như: "*sắc phục cảnh sát*", "*sắc phục của nhân viên thuế vụ*", "*sắc phục hải quan*",... khi những người này thực thi công vụ. "*Sắc phục*" hiện nay không có giá trị phân biệt phẩm trật quan lại nữa.

Thứ tư, giữa "*quốc phục*" và "*sắc phục*" (dân tộc) cũng không có sự phân định thật rành mạch, chúng ta thường thấy trên vô tuyến truyền hình, tổng thống của các nước, như: Ả-rập, Ấn Độ mặc "*quốc phục*" khi tiếp đón các nguyên thủ quốc gia khác, trong thực tế các "*quốc phục*" đó cũng chỉ là "*sắc phục*" của một dân tộc chiếm đa số trong quốc gia đó mà thôi. Đối với người Việt Nam, "*quốc phục*" là gì? "*Khăn đóng*", "*áo dài*" đối với nam giới có phải là "*nam quốc phục*" Việt Nam hay không? Còn "*áo dài*", "*quần dài*" của phụ nữ, có phải là "*nữ quốc phục*" của Việt Nam hay không? Thứ nữa, khi dùng từ "*quốc phục*" dường như là ngầm đối lập với "*âu phục*",...

Thứ năm, "*lễ phục*" với "*thường phục*" cũng có những có điểm còn "nhập nhằng". "*Lễ phục*" là "quần áo" mặc trong những buổi lễ lớn. Theo nghĩa này thì "*lễ phục*" ít nhiều được quy định một cách không thành văn bởi xã hội. Với cách hiểu như vậy, "*triều phục*", "*phẩm phục*", "*tang phục*" là "*lễ phục*". Tuy nhiên, "*y phục*" là "*thường phục*" được dùng khi làm việc hay tiếp khách trong gia đình, như: bộ comple, cà vạt (Âu phục - mà phương ngữ Nam Bộ gọi là "bộ đồ lớn"); "*áo dài*", "*quần dài*" của cả nam và nữ vẫn được xem là "*lễ phục*" trong những buổi tiếp khách long trọng, trang nghiêm dưới chính quyền Sài Gòn trước đây. Nói cách khác, một bộ phận của "*thường phục*" cũng là một bộ phận của "*lễ phục*" trong xã hội hiện nay. Thêm vào đó, các "*sắc phục*" của dân tộc ít người vốn là "*thường phục*" của dân tộc đó nhưng khi cần thiết thì chúng cũng được dùng như "*lễ phục*".

Thứ sáu, giữa "*quân phục*", "*binh phục*", "*cảnh phục*" và "*sắc phục*" cũng không có sự rõ ràng tương tự. TĐTV xem "*binh phục*" cũng là "*quân phục*". Tuy nhiên, từ "*binh phục*" thường dùng cho bộ đội ở cấp thấp, có thể nói "*binh phục*" dùng cho cả sĩ quan và binh lính, nhưng khi nói về sĩ quan cao cấp thì chúng ta dùng "*quân phục*" hơn là "*binh phục*". Ví dụ: "*Đại tướng mặc quân phục dự lễ*" mà không nói: "*Đại tướng mặc binh phục dự lễ*". Đối với sĩ quan từ cấp úy trở lên, đặc biệt là các sĩ quan cấp tướng thì có khi chúng ta dùng "*sắc phục cấp tá*", "*sắc phục cấp tướng*".

"*Cảnh phục*" dành cho ngành công an, nhưng bộ "*cảnh phục*" mà người công an, cảnh sát mặc khi đối diện với các phạm nhân hoặc đối diện với người vi phạm pháp luật thì lại có thể được gọi là "*sắc phục*". Riêng đối với các ngành, như thuế vụ, hải quan, kiểm lâm hiện nay chưa có từ riêng để chỉ

"*trang phục*" cho các ngành này. Đối với các ngành này, từ thường dùng là "*đồng phục*" và khi "*đồng phục*" được mặc trong lúc thi hành nhiệm vụ thì lại có thể gọi là "*sắc phục*": "*sắc phục kiểm lâm*", "*sắc phục hải quan*", "*sắc phục thuế vụ*", v.v.

Thứ bảy, giữa "*lễ phục*", "*tang phục*", "*triều phục*" có sự mập mờ về ranh giới. Trong cách dùng hiện nay, mặc dầu tang ma cũng là "*lễ*" nhưng "*tang phục*" lại không phải là "*lễ phục*". Chúng ta nói: mặc "*tang phục*" trong "*lễ tang*" chứ không nói mặc "*lễ phục*" trong "*đám tang*". Nói cách khác, "*tang phục*" không nằm trong "*lễ phục*". Hai từ này đồng cấp với nhau.

Những nhận xét trên đây, cho thấy các từ chỉ "*trang phục*" như một chỉnh thể của tiếng Việt chủ yếu được phân chia theo chức năng. Dưới các từ chỉ "*trang phục*" như một chỉnh thể không có từ chỉ bộ phận riêng cho một loại "*trang phục*" chỉnh thể.

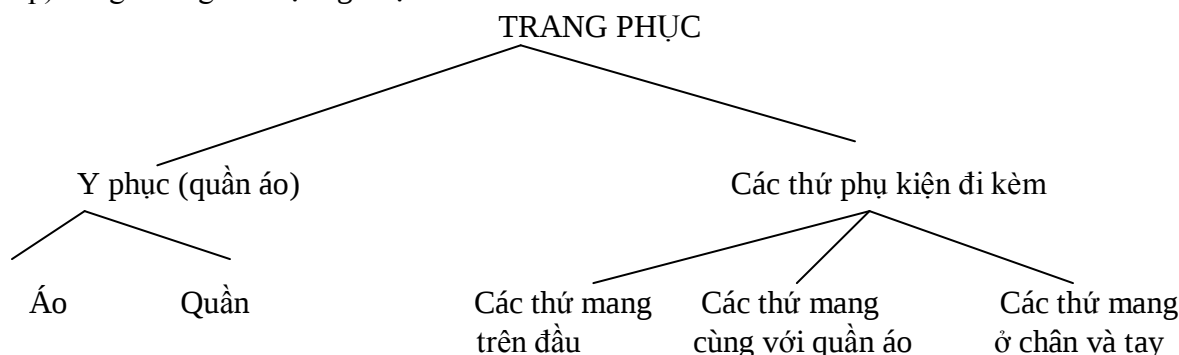
Như vậy, tất cả những điều nói trên cho thấy có sự đan chéo lẫn nhau về ngữ nghĩa, về sử dụng của các từ chỉ "*trang phục*" như một chỉnh thể trong tiếng Việt. Điều này giải thích khó khăn trong việc xác định quan hệ cấp loại phân loại - loại một cách thật logic các từ ghép và ngữ định danh chỉ "*trang phục*" như một chỉnh thể theo chức năng của tiếng Việt. Chúng tôi buộc phải cho rằng: quan hệ phân loại - loại ở các từ ghép và ngữ định danh "*trang phục*" như một chỉnh thể theo chức năng chỉ có hai bậc phân loại: ở bậc một là từ "*trang phục*", các từ còn lại đều ở bậc phân loại thứ hai, đồng cấp đối với nhau và dưới cấp so với "*trang phục*".

3. Quan hệ cấp loại toàn bộ - bộ phận trong các từ ghép và ngữ định danh chỉ "*trang phục*" như một chỉnh thể

3.1. Các bộ phận hợp thành "*trang phục*" như một chỉnh thể như đã nói ở mục 2.1 bao gồm những thứ mang trên người và những thứ phụ kiện. Ở bảng phân loại theo quan hệ

phân loại-loại chúng tôi đã dùng từ "*y phục*" hay "*quần áo*" để chỉ bộ phận của "trang phục" cho thân trên và thân dưới thì "trang phục" nói một cách tổng quát gồm hai bộ phận chính: "*y phục*" + "các thứ phụ kiện". Trong tiếng Việt không có từ (đơn hoặc ghép) cũng không có một ngữ định danh bao

quát tất cả các phụ kiện của "trang phục" không phải là "quần áo". Hiện tượng này được từ vựng học gọi là hiện tượng thiếu vắng các từ trên cấp. Như vậy, quan hệ chỉnh thể - bộ phận đầu tiên của "trang phục" có thể biểu thị bằng sơ đồ sau đây:



3.2. Đối chiếu với các từ theo quan hệ phân loại-loại có thể thấy, trong tiếng Việt trừ một số ít trường hợp không có từ và ngữ định danh chỉ bộ phận tương đương ứng với các loại "trang phục" như một chỉnh thể. Điều đó có nghĩa là không có tên gọi của loại "áo" đặc trưng cho "sắc phục", cho "quân phục", cho "đồng phục",... Khi cần diễn đạt, tiếng Việt phải dùng đến các ngữ định danh thiên về cụm từ tự do, như: "*áo bộ đội*", "*quần bộ đội*", "*áo công an*", "*quần công an*", "*áo dân tộc Tày*", "*áo dân tộc Dao*", v.v.

Ở các bộ phận phụ kiện cũng có tình hình tương tự, có nghĩa là không có từ hoặc ngữ định danh chỉ "thắt lưng" của "cảnh phục", chỉ "thắt lưng" của "quân phục", v.v... Không có từ để chỉ "giày" của "bộ đội", "giày" của "công an", v.v... Những cách gọi, như: "*thắt lưng bộ đội*", "*giày bộ đội*", "*quần bộ đội*",... là những ngữ định danh thiên về cụm từ tự do mà khi cần chúng ta dùng để chỉ các bộ phận cần nói đến. Cũng có những từ chỉ một số phụ kiện riêng cho các "trang phục", như "*cảnh phục*", "*quân phục*", v.v. đó là các từ, như: "*phù hiệu*",

"*quân hiệu*",... nhưng không có tên gọi riêng cho "phù hiệu" các ngành và khi cần diễn đạt chúng ta lại phải dùng đến các ngữ định danh thiên về cụm từ tự do, như: "*phù hiệu bộ đội*", "*phù hiệu công an*", "*phù hiệu hải quan*", v.v... "*quân hiệu cấp tướng*", "*quân hiệu cấp tá*", "*quân hiệu cấp úy*", v.v.

3.3. Sau khi đã phân loại được các bộ phận của "trang phục" thì mỗi từ hay ngữ định danh chỉ bộ phận lại có thể được xem như là một loại lớn để tạo ra các quan hệ phân loại - loại mới. Ví dụ: "áo" là một bộ phận che thân của "y phục", đồng thời nó là một loại lớn bao gồm các loại nhỏ hơn, như: "*áo cánh*", "*áo dài*", "*áo bà ba*", v.v.; "quần" là một bộ phận của "trang phục" cũng là một loại lớn bao gồm các loại dưới cấp: "*quần bò*", "*quần phăng*", "*quần âu*", "*quần côn*", v.v. Cả đến các từ chỉ các phụ kiện đi kèm như giày, "mũ" vốn là bộ phận của "trang phục" đến lượt mình lại là một loại lớn bao gồm những loại cấp dưới, như: "*giày da*", "*giày vải*", "*giày thể thao*", v.v.

Mặt khác, một từ ghép hay ngữ định danh chỉ bộ phận của "trang phục" lại có thể là một đơn vị chỉ chỉnh thể trên cấp bao gồm

các bộ phận phân chia theo quan hệ chỉnh thể - bộ phận, ví dụ như: "áo" sẽ gồm các bộ phận: "cổ áo", "vai áo", "tay áo", "thân áo", v.v. "Thân" lại có thể là đơn vị toàn bộ gồm các bộ phận: "tà áo", "vạt áo", "lưng áo", v.v.

Trên đây, chúng tôi chỉ dẫn bậc phân loại chỉnh thể - bộ phận của từ "áo" để minh họa. Việc nghiên cứu các bậc phân loại ở các từ khác chỉ bộ phận của "trang phục" cũng sẽ là một vấn đề thú vị, chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu ở những bài viết sau.

4. Kết luận

Ở trên, chúng tôi đã trình bày một cách khái quát trường "trang phục" dựa trên hai loại quan hệ cấp loại phân loại - loại và phân loại chỉnh thể - bộ phận. Sự phân tích cho thấy, hai quan hệ này luôn đan chéo vào nhau và không một quan hệ nào đi suốt quá trình phân chia cấp loại từ bậc một cho đến bậc tận cùng. Thường gặp là quan hệ phân loại-loại, nhưng tiêu chí để phân chia các loại nhỏ trong một loại lớn lại thay đổi trong quá trình phân loại ở các bậc phân loại khác. Sự đan chéo giữa hai quan hệ cấp loại này sẽ khiến cho chúng ta không thể quy một cách thật logic một từ hay một ngữ định danh nào đó về một loại hay một chỉnh thể nào đấy. Chúng tôi buộc phải cho rằng: quan hệ phân loại - loại ở các từ ghép chỉ "trang phục" như một chỉnh thể theo chức năng chỉ có hai bậc phân loại, ở bậc một là từ "trang phục", các từ còn lại "đồng phục", "sắc phục", "quân phục", "binh phục", "cảnh phục", "lễ phục", "chế phục", "tang phục", "triều phục", "phẩm phục", "thường phục", "âu phục", "quốc phục" đều ở bậc phân loại thứ hai đồng cấp với nhau và dưới cấp so với "trang phục". Và, một từ ghép hay ngữ định danh chỉ bộ phận của "trang phục" lại có thể là

một đơn vị chỉ chỉnh thể trên cấp bao gồm các bộ phận phân chia theo quan hệ chỉnh thể - bộ phận. Cuối cùng, chúng tôi muốn khẳng định "trang phục" luôn luôn hiện hữu cùng với cuộc sống của con người và gắn kết với sự phát triển của xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Ái (1994), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Thiện Giáp (1995), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB ĐH và THCN, Hà Nội.
4. Lê Thị Hà (1998), *Mô hình các từ ghép và ngữ định danh chỉ "y phục" của tiếng Việt xét về mặt cấu tạo và ngữ nghĩa*, Luận án Thạc sĩ Ngữ văn, Trường ĐHSP Hà Nội.
5. Đỗ Việt Hùng (2011), *Giáo trình từ vựng học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Hoàng Phê (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội.
6. Hội khai trí tiến đức khởi thảo (1931), *Việt Nam từ điển*.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-01-2014)

HỢP THU'

Trong tháng 3/2014, *NN & ĐS* đã nhận được thư, bài của các tác giả: Nguyễn Hương Giang-Nguyễn Thị Thanh, Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Luyện, Bùi Minh Toán, Nguyễn Thụy Phương Lan, Đoàn Văn Phúc, Bùi Quang Diệu, Chu Thị Phong Lan (Hà Nội); Nguyễn Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Thái (Thanh Hóa); Nguyễn Đình Trương Nguyễn, Nguyễn Văn Hùng (Huế); Lê Thị Hồng Nga (Tp HCM); Đặng Ngọc Hùng (Bình Thuận).

Tòa soạn *NN & ĐS* xin cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS